

Mã chương: 800

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Phô Phông

Mã ĐVQHNS: 1050500

Mã cấp NS: 4



Ngày: 15/05/2025
 Chức danh: Kế toán trưởng
 Đơn vị: Phòng Giao dịch số 22 -
 Kho bạc Nhà nước Khu vực XII
 Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
 chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 6 Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	011	00000	0	386.222.000	401.222.000	401.222.000	401.222.000	235.988.948	235.988.948	0	0	0	165.233.052
12	041	00000	39.590.700	403.412.400	403.412.400	403.412.400	443.003.100	206.516.329	206.516.329	0	0	0	236.486.771
12	161	00000	0	125.700.000	125.700.000	125.700.000	125.700.000	6.700.000	6.700.000	0	0	0	119.000.000
12	191	00000	0	32.000.000	32.000.000	32.000.000	32.000.000	19.370.000	19.370.000	0	0	0	12.630.000
12	221	00000	0	27.000.000	27.000.000	27.000.000	27.000.000	0	0	0	0	0	27.000.000
12	261	00000	0	36.000.000	36.000.000	36.000.000	36.000.000	10.500.000	10.500.000	0	0	0	25.500.000
12	283	00000	0	176.500.000	176.500.000	176.500.000	176.500.000	126.750.000	126.750.000	0	0	0	49.750.000
12	292	00000	0	176.500.000	1.114.241.000	1.114.241.000	1.114.241.000	1.004.203.000	1.004.203.000	0	0	0	110.038.000
12	341	10493	275.928.000	0	0	0	275.928.000	0	0	0	0	0	275.928.000
12	341	10497	460.000.000	0	0	0	460.000.000	0	0	0	0	0	460.000.000
12	341	20493	212.915.000	0	0	0	212.915.000	0	0	0	0	0	212.915.000
12	341	20497	157.100.000	0	0	0	157.100.000	0	0	0	0	0	157.100.000
12	341	30493	110.000.000	0	0	0	110.000.000	0	0	0	0	0	110.000.000
12	341	30497	150.000.000	0	0	0	150.000.000	0	0	0	0	0	150.000.000
12	341	00000	0	3.440.311.580	5.643.703.966	5.643.703.966	5.643.703.966	3.782.053.260	3.782.053.260	0	0	0	1.861.650.706

12	341	20492	0	0	500.000.000	500.000.000	500.000.000	496.880.000	496.880.000	0	0	0	3.120.000
12	351	00000	0	1.348.193.680	1.378.193.680	1.378.193.680	1.378.193.680	675.798.980	675.798.980	0	0	0	702.394.700
12	361	00000	0	1.515.344.340	1.590.344.340	1.590.344.340	1.590.344.340	759.367.451	759.367.451	0	0	0	830.976.889
12	362	00000	0	192.800.000	192.800.000	192.800.000	192.800.000	148.830.000	148.830.000	0	0	0	43.970.000
12	371	00000	0	12.000.000	282.000.000	282.000.000	282.000.000	271.900.000	271.900.000	0	0	0	10.100.000
12	374	00000	0	363.000.000	378.000.000	378.000.000	378.000.000	189.000.000	189.000.000	0	0	0	189.000.000
12	398	00000	0	0	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	0	0	0	0
12	428	00000	0	25.200.000	25.200.000	25.200.000	25.200.000	0	0	0	0	0	25.200.000
12	341	30502	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	0	0	0	0	0	3.000.000
12	341	10502	0	0	10.000.000	10.000.000	10.000.000	0	0	0	0	0	10.000.000
23	341	00000	0	445.816.000	2.889.344.250	2.889.344.250	2.889.344.250	2.889.344.250	2.889.344.250	0	0	0	0
Cộng:				1.405.533.700	8.706.000.000	15.358.661.636	15.358.661.636	16.764.195.336	10.973.202.218	0	0	0	5.790.993.118
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hạ Uyên

Người ký: Nguyễn Thị Lệ Quyên
Ngày ký: 30/06/2025 15:31:20
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 22 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII

Nguyễn Thị Lệ Quyên

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Huỳnh Thị Phương
Ngày ký: 30/06/2025 14:51:41
Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Phú Phong

Người ký: Phan Tiến Định
Ngày ký: 30/06/2025 14:54:24
Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Phú Phong

Huỳnh Thị Phương

Phan Tiến Định